

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 301/2023/DS-PT
Ngày 31-8-2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương
Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế
Ông Đỗ Cao Khánh
- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Trà My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 160/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn K, sinh năm 1963 (có mặt).
Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thái Huyền T. Địa chỉ cư trú: Số C đường Q, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).
- Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1954 (vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Ủy ban nhân dân thành phố C.
Địa chỉ: Đường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Hoàng P. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1976. Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi Trường thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C.

Địa chỉ: Xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vương Chí T1; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí T2 – Công chức địa chính Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C (vắng mặt).

3. Bà Trần Hồng C (vắng mặt).

4. Ông Trần Văn L (vắng mặt).

5. Anh Trần Hoàng Đ (vắng mặt).

6. Anh Trần Văn N1 (vắng mặt).

7. Chị Trần Kim E (vắng mặt).

8. Anh Lâm Quang H, sinh năm 1993 (vắng mặt).

9. Chị Phạm Bích T3 (vắng mặt).

10. Chị Phạm Bích T4 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

11. Chị Phạm Ngọc H1, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm C, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

12. Ngân hàng N3 chi nhánh thành phố C (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, N, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N (là nguyên đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử sơ thẩm, vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn D phải tháo dỡ, di dời nhà tình nghĩa trả lại phần đất có diện tích 520,7m², tọa lạc tại ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Theo ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N thì phần đất trên nằm trong diện tích 2.740m² thuộc thửa số 10, 11; tờ bản đồ số 08; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0726547 cấp ngày 06/01/1995 do ông Phạm Văn K đứng tên. Nguồn gốc đất là của bà Lê Thị H2 (mẹ của bà Nguyễn Thị N) tặng cho bà Nguyễn Thị N vào năm 1982. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Văn K đi làm ăn xa không thường xuyên ở trên phần đất, đến năm 1998 thì phát hiện Ủy ban nhân dân xã H, xây dựng nhà tình nghĩa cho ông Trần Văn D ngay phần đất nêu

trên. Ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã H để giải quyết thì Ủy ban yêu cầu cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chứng minh. Nhưng do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp Ngân hàng để vay tiền nên không cung cấp được. Năm 2006, ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N có tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Phạm Văn N2 đã được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 201/2006/PTDS ngày 18/5/2006 và đã bác yêu cầu đòi đất của ông Phạm Văn N2, giữ nguyên hiện trạng phần đất diện tích 2.740m² cho ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0726547 ngày 06/4/1995 do ông Phạm Văn K đứng tên. Khi xét xử vụ việc tranh chấp với ông Phạm Văn N2 thì không đưa những người đang sinh sống trên đất vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên khi Cơ quan thi hành án thi hành bản án tranh chấp này thì không thực hiện được việc cấm mốc bàn giao đất vì trên phần đất có nhà của ông Trần Văn D và những hộ dân khác. Năm 2010, Ủy ban nhân dân thành phố C đã ban hành Quyết định số: 68/QĐ-UBND ngày 15/7/2010 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0726547 ngày 06/4/1995 của ông Phạm Văn K. Ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N đã khởi kiện hành chính đối với Quyết định số: 68/QĐ-UBND ngày 15/7/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố C. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số: 07/2012/HC-PT ngày 18/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số: 68/QĐ-UBND ngày 15/7/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố C. Nay ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông Trần Văn D phải tháo dỡ nhà tình nghĩa, di dời tài sản trả lại hiện trạng phần đất hiện đang do ông Trần Văn D quản lý sử dụng là 520,7m².

Ông Trần Văn D cho rằng, trước năm 1998, ông và gia đình sinh sống tại ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Đến năm 1998 nhà nước có quyết định bàn giao nhà tình nghĩa cho ông chiều ngang 04m, dài 8,5m, tổng diện tích 34m², tọa lạc tại ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Sau khi được giao nhà tình nghĩa thì vợ chồng ông cùng với con, cháu sinh sống tại căn nhà này. Phần đất ông đang sinh sống thuộc quyền quản lý của nhà nước chứ không phải đất của ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N. Vào năm 2020, ông đã thực hiện việc kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đúng theo hiện trạng thực tế sử dụng nhưng đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ông phải tháo dỡ nhà tình nghĩa, di dời trả lại hiện trạng phần đất có diện tích 520,7m² ông không đồng ý vì ông không có lần chiếm phần đất nào của ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N. Trường hợp buộc ông phải tháo dỡ công trình kiến trúc trên đất trả lại phần đất cho ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N thì ông yêu cầu ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N phải hoàn trả công bồi đắp cho ông bằng 1.500.000.000 đồng.

Chị Trần Hồng C, anh Trần Văn L thống nhất với ý kiến của ông Trần Văn D. Chị Phạm Bích T3, chị Phạm Bích T4, anh Lâm Quang H thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị N.

Bà Phạm Ngọc H1 xác định là vào năm 2020 bà có nhận chuyển nhượng của ông T5 phần đất với diện tích 120m² với giá 200.000.000 đồng, bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 241672 ngày 01/4/2020, phần đất này bà chưa xây dựng công trình trên đất. Đối với vụ án tranh chấp giữa ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn D thì bà không có ý kiến gì. Đối với việc bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Văn K cho rằng vị trí phần đất của bà không đúng vị trí hiện nay nên bà yêu cầu bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Văn K xác định đúng vị trí để bà tiến hành các thủ tục xây dựng, nhưng hiện nay bà chưa khởi kiện để yêu cầu giải quyết.

Ủy ban nhân dân xã H xác định là phần đất của ông Trần Văn D được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp nhà tình nghĩa có diện tích là 34m², theo thủ tục cấp nhà tình nghĩa tọa lạc tại ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau nhưng do vị trí xây dựng lúc đó là ao trũng nên không xây dựng được do đó Ủy ban thành phố C đã thống nhất thay đổi vị trí từ ấp T A sang vị trí tại ấp T, xã H, thành phố C. Việc thay đổi vị trí không có làm văn bản. Nhà tình nghĩa đã được xây dựng và bàn giao cho ông Trần Văn D sử dụng từ năm 1998. Hiện nay bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Văn K khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn D tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc trên đất trả lại phần đất cho bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Văn K thì Ủy ban không thống nhất ý kiến do vị trí đất đã xây dựng và cấp nhà tình nghĩa cho ông Trần Văn D kể cả toàn bộ phần đất hiện nay mà ông Trần Văn D đã coi nói quản lý 520,7m² là thuộc quyền quản lý của nhà nước, không phải phần đất thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Văn K.

Ủy ban nhân dân thành phố C xác định: Phần đất bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Văn K khởi kiện yêu cầu ông D tháo dỡ công trình kiến trúc trả lại có diện tích tổng cộng 520,7m² thì phần đất này thuộc quyền quản lý của nhà nước, không thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Văn K. Đối với bản án hành chính số 07/2012/HC-PT ngày 18/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau hiện nay Ủy ban nhân dân thành phố C đang thi hành nhưng chưa thực hiện xong và Ủy ban nhân dân thành phố C đang chỉ đạo để thi hành bản án nói trên. Do đó, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N.

Đối với các đương sự còn lại. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu ông Trần Văn D phải di dời căn nhà trả lại phần đất có diện tích 520,7m² tọa lạc tại ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/4/2023 ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, buộc bị đơn di dời nhà tình nghĩa để trả lại phần đất tranh chấp cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về quan hệ pháp luật thì giữa vợ chồng ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn D tranh chấp với nhau về phần đất có diện tích 520,7m² tọa lạc tại ấp T, xã H, thành phố C nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về quyền sử dụng đất và áp dụng các quy định của Luật Đất đai và các quy định của pháp luật có liên quan để giải quyết là có căn cứ.

[3] *Xét kháng cáo của ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N:* Ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N căn cứ vào Bản án dân sự phúc thẩm số: 201/2006/PTDS ngày 18/5/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử vụ việc tranh chấp giữa ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N với ông Phạm Văn N2; Bản án hành chính phúc thẩm số: 07/2012/HC-PT ngày 18/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau về việc hủy Quyết định số: 68/QĐ-UBND ngày 15/7/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố C và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0726547 ngày 06/4/1995 do ông Phạm Văn K đứng tên, từ những căn cứ trên ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N xác định phần đất đang tranh chấp có diện tích 520,7m² tọa lạc tại ấp T, xã H, thành phố C là phần đất nằm trong diện tích 2.740m² thuộc thửa số 10, 11; tờ bản đồ số 08; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0726547 cấp ngày 06/01/1995 nên yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N.

Theo ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc là đất do mẹ ruột là bà Lê Thị H2 tặng cho vào năm 1982, quá trình sử dụng thì ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N đã kê khai đăng ký và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/01/1995. Đến năm 1998, Ủy ban nhân dân xã H đã xây dựng nhà tình nghĩa cấp cho ông Trần Văn D trên phần đất này nên ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N kiện đòi lại đất. Còn ông Trần Văn D thừa nhận phần đất mà ông đang quản lý, sử dụng thì không phải đất của ông và cũng không phải đất của ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N mà là đất do Nhà nước quản lý. Năm 1998 ông được Ủy ban nhân dân xã H xây dựng và cấp cho ông căn nhà tình nghĩa tại phần đất mà ông đang quản lý hiện nay. Quá trình sử

dụng ông có coi nói, quản lý thêm diện tích đất nằm trong khu đất Nhà nước quản lý chứ ông không có lấn, chiếm đất của ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N.

Xét qua quá trình sử dụng đất thì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc quản lý và sử dụng của ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N đối với phần đất nêu trên và cũng không có cắm mốc, phân ranh cụ thể. Ngay từ năm 1998, Ủy ban nhân dân xã H đã xác định phần đất nêu trên là đất do Nhà nước quản lý và đã thực hiện việc xây dựng nhà tình nghĩa cấp cho gia đình ông Trần Văn D nhưng ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N không phản đối. Ngay cả khi tranh chấp với ông Phạm Văn N2 được giải quyết vào năm 2006 thì ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N cũng không phản ánh hay khởi kiện đối với ông Trần Văn D về phần đất trên và diện tích đất tranh chấp với ông Phạm Văn N2 đã xác định không có phần đất do ông Trần Văn D quản lý, sử dụng. Tuy hồ sơ xây dựng nhà tình nghĩa cấp cho gia đình ông Trần Văn D ghi nhận thuộc ấp T chứ không phải là ấp T nhưng vẫn cùng địa giới hành chính của xã H, thành phố C và trên thực tế thì ngôi nhà tình nghĩa cấp cho ông Trần Văn D đã được xây dựng và tồn tại trên phần đất này từ năm 1998 cho đến nay.

Quá trình ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N kê khai, đăng ký cấp quyền sử dụng đất không được đo đạc, cắm mốc cụ thể và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm nhiều thửa đất, ở hai nơi khác nhau (thửa số 10, 11 và thửa 210) với tổng diện tích 12.040m². Theo sơ đồ địa chính thì phần đất thửa số 10, 11 cấp cho ông Phạm Văn K chưa phải là phần đất tiếp giáp với sông H và Kênh chợ H3 mà còn tiếp giáp với thửa đất do Nhà nước quản lý (thửa đất chuyên dùng khác) và thửa đất này không nằm trong diện tích đất cấp cho ông Phạm Văn K.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 201/2006/PTDS ngày 18/5/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử vụ việc tranh chấp giữa ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N với ông Phạm Văn N2 thì kết quả xét xử đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N2, giữ y hiện trạng phần diện tích đất 2.740m² cho ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N. Tại bản án này không xác định cụ thể vị trí, mốc giới thửa đất và cũng không có căn cứ và xác định phần đất của ông Trần Văn D nằm trong diện tích đất thuộc thửa số 10, 11 đã được cấp cho ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N mà chỉ giữ y hiện trạng phần đất 2.740m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Còn tại Bản án hành chính phúc thẩm số: 07/2012/HC-PT ngày 18/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau về việc hủy Quyết định số: 68/QĐ-UBND ngày 15/7/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố C với lý do xác định là khi cấp quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N tại thửa số 10, 11 diện tích 2.740m² là không đúng với diện tích trên thực địa, nhưng việc cấp quyền sử dụng đất không đúng diện tích thì cũng không nhất thiết phải thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N mà chỉ cần điều chỉnh lại cho đúng diện tích. Từ đó, Tòa án đã hủy Quyết định số: 68/QĐ-UBND ngày 15/7/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố C. Tại bản án này cũng không xác định

phần đất tranh chấp với ông Trần Văn D là thuộc đất của ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N.

[4] Từ những cơ sở trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[5] Quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được công nhận.

[6] Ông Phạm Văn K1, bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định chung.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Căn cứ các Điều 147; 148; 157; 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị N về việc buộc ông Trần Văn D di dời nhà trả lại diện tích đất 520,7m² tọa lạc tại ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N phải chịu chi phí đo đạc, định giá tổng cộng là 18.768.859 đồng, ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N đã nộp xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ tiền tạm ứng án sơ thẩm 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0001259 ngày 06/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, nay được chuyển thu.

- Án phí dân sự phúc thẩm, ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N đã dự nộp 600.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0003179 ngày 11/4/2023 và biên lai thu tiền số 0003180 ngày 11/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, hoàn lại cho ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi Cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương

